TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Q Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/7/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày /6/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/2020/TB-XX ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Nguyễn Thái H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17/10/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống , tính cách không phù hợp , vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã , không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã

hết, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hồng Q.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hồng Q có một con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 11/11/2002. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh Lê Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Lê Hồng Q không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Q và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hồng Q có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17/10/2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp. Chị T và anh Q đã tìm nhiều biện pháp khắc nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh Q không có mặt, thể hiện anh Q không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh Q.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hồng Q có một con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 11/11/2002. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và

không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Thị Khánh L có đơn nguyện vọng là được ở với chị T. Anh Lê Hồng Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, cũng không có bản khai trình bày về nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và quyền lợi về mọi mặt của cháu L, cần giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Q không có lời khai nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn ThịT phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dung án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Hồng Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Khánh L, sinh ngày 11/11/2002, cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Lê Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006350 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 06/5/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- UBND phường Nguyễn Thái Học;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Quang Trung

Nơi nhận:

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Nguyễn Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Q Trung